

TỔNG HỢP DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN KỲ THI CÔNG CHỨC NĂM 2016

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, tri thức trẻ TN	
1	Đình Hữu	An	Nam	05/11/1991	Hoàn Lão, Bố Trạch	11.2	Đại học Khoa học - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Tin học	Mạng và truyền thông	Anh C	ĐH												Miễn thi tin học
2	Trần Long	An	Nam	15/10/1989	Tiến Hóa, Tuyên Hóa	15.4	Đại học Bách khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp		Anh B	B			X									
3	Bùi Thị Tú	Anh	Nữ	21/4/1994	NT Việt Trung, Bố Trạch	8.2	Đại học Kinh tế thành phố HCM	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính	TOEIC 490	B												
4	Cao Thế	Anh	Nam	20/4/1980	Đồng Mỹ, Đồng Hới	1.1	Đại học Nông lâm Huế	ThS		ThS	Lâm học		Anh B	B			x									
5	Hà Lê Văn	Anh	Nữ	26/3/1993	Mai Hóa, Tuyên Hóa	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	KTV												
6	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	20/10/1994	Bắc Lý, Đồng Hới	10.1	Đại học Kinh tế TP HCM	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính	Anh Toeic	B												
7	Phạm Nguyễn Anh Đức	Anh	Nam	01/01/1991	Đồng Lê, Tuyên Hóa	15.5	Đại học Bách Khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc		Anh B	B												
8	Phạm Thị Việt	Anh	Nữ	22/4/1988	Phường Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	B												Thiếu bằng Cao đẳng
9	Phan Thị Ngọc	Anh	Nữ	31/12/1990	Đồng Trạch, Bố Trạch	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												
10	Phan Tuấn	Anh	Nam	11/02/1994	Bác Trạch, Bố Trạch	1.6	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng		Anh B	B												

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú						
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN					
11	Trần Thế	Anh	Nam	10/6/1986	Đức Hóa, Tuyên Hóa	1.2	Đại học Nông lâm-Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B																
12	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	19/3/1994	Đại Trạch, Bố Trạch	3.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán kiểm toán	Anh C	KTV																
13	Lưu Hồng	Ánh	Nam	25/3/1980	Thanh Trạch, Bố Trạch	1.3	Đại học Huế	Ths			Lâm học		Anh B1	B																
14	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	09/8/1982	Phong Hóa, Tuyên Hóa	1.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B																
15	Lê Công Tuấn	Anh	Nam	06/7/1987	Bắc Lý, Đồng Hới	9.1	Đại học Lao động - Xã hội	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị nhân lực		Anh C	B																
16	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	20/5/1994	Hải Lăng, Quảng Trị	17.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B																
17	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	06/8/1994	Mai Hóa, Tuyên Hóa	17.3	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B																
18	Hồ Chí	Bảng	Nam	04/6/1991	Nam Lý, Đồng Hới	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	Anh B	KTV																
19	Đình Quốc	Bào	Nam	16/12/1994	Quy Đạt, Minh Hóa	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng		Anh B	B																
20	Dương Thị Thái	Bào	Nữ	29/9/1993	Việt Trung, Bố Trạch	12.1	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh B	B																
21	Trần Xuân	Bào	Nam	09/01/1994	Cam Thủy, Lệ Thủy	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật Hợp đồng	Anh B	B																
22	Hoàng Thanh	Bình	Nam	01/6/1993	Hải Đình, Đồng Hới	15.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng cầu đường	Anh C	B																
23	Đình Thanh	Bình	Nam	05/9/1992	Quy Đạt, Minh Hóa	15.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc công trình		Anh B	B																

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN	
24	Dương Thanh	Bình	Nam	07/4/1990	Tiến Hóa, Tuyên Hóa	4.5	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường	Xây dựng cầu đường	Anh B	B				x								
25	Hoàng Long	Bình	Nam	18/02/1985	Thạch Hóa, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B												
26	Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	10/10/1992	Ma Thủy, Lệ Thủy	12.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh B	B												
27	Nguyễn Thị Thái	Bình	Nữ	23/5/1984	Nam Lý, Đồng Hới	17.1	Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG Hà Nội	ĐH	VLVH	Cử nhân	Địa chính		Anh B	B				x								
28	Võ Thị Thanh	Bình	Nữ	12/9/1994	Lộc Ninh, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Hành chính	Anh B	B												
29	Cao Thế	Cánh	Nam	23/9/1988	Quy Đạt, Minh Hóa	12.2	Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	ThS		Thạc sĩ	Khoa học cây trồng		Anh B	B										X		
30	Công Đức	Châu	Nam	14/10/1990	Mai Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B					x							
31	Đàm Ngọc	Châu	Nam	26/7/1989	Quảng Châu, Quảng Trạch	11.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Anh B	ĐH											Miễn thi tin học	
32	Lê Hà	Châu	Nữ	13/3/1994	Bác Lý, Đồng Hới	18.1	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Dân sự	Anh B	B												
33	Trần Văn	Châu	Nam	18/7/1972	Bác Nghĩa, Đồng Hới	1.2	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	C												
34	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	Nữ	09/5/1993	Hưng Thủy, Lệ Thủy	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán- Kiểm toán	Anh C	KTV									x			
35	Trần Thị Linh	Chi	Nữ	07/6/1993	Đồng Phú, Đồng Hới	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật Tổ chức Kinh doanh	Anh C	B												
36	Cao Xuân	Chiến	Nam	6/1/1987	Tiến Hóa, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông lâm Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B					X							Viên chức

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
37	Nguyễn Công	Chức	Nam	15/6/1981	Phú Hải, Đồng Hới	15.1	Đại học Xây dựng	Ths		Ths kỹ thuật	Xây dựng Cầu, hầm		Anh B	B					X						
38	Cao Thanh	Chương	Nam	26/8/1986	Quy Đạt, Minh Hóa	1.3	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											X
39	Trần Hữu	Chương	Nam	25/8/1992	Vĩnh Ninh, Quảng Ninh	15.1	Đại học Bách khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng Cầu đường		Anh C	B											
40	Đình Xuân	Chuyên	Nam	19/8/1974	Trung Hóa, Minh Hóa	17.3	Đại học Nông lâm - Huế	Ths			Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Anh B1	B									X		
41	Hồ Chí	Công	Nam	10/10/1988	Quảng Lưu, Quảng Trạch	1.5	Đại học Nông lâm - Thái Nguyên	ĐH	CQLT	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
42	Nguyễn Trường	Công	Nam	13/02/1992	Quảng Hưng, Quảng Trạch	15.4	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	Anh B	B											
43	Nguyễn Lê	Cương	Nam	23/4/1991	Hải Thành, Đồng Hới	15.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Anh B	B											
44	Từ Thị	Cương	Nữ	30/8/1994	Quảng Kim, Quảng Trạch	18.1	Đại học Luật - Đại học Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật TC Kinh doanh	Anh B	B											
45	Trần Đăng	Cường	Nam	25/4/1994	Xuân Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B				X							
46	Võ Cao	Cường	Nam	16/01/1989	Quảng Xuân, Quảng Trạch	1.4	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B											
47	Lê Ngọc	Cường	Nam	10/11/1992	Lộc Ninh, Đồng Hới	1.3	Đại học Khoa học Tự nhiên	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản lý tài nguyên thiên nhiên		Anh B1	B											
48	Lô Thái	Cường	Nam	29/6/1993	Quy Hợp, Nghệ An	1.8	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B	Thanh										
49	Nguyễn Đăng	Cường	Nam	28/01/1990	Phú Hải, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	VLVH	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh tổng quát	Anh B	B											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiên khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, tri thức trẻ TN	
50	Phạm Việt	Cường	Nam	24/4/1988	Mai Thủy, Lệ Thủy	4.4	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Toeic 530	B									X		
51	Võ Hoàng	Cường	Nam	18/11/1993	Hải Đình, Đồng Hới	8.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	KTV											
52	Nguyễn Trọng	Da	Nam	15/8/1991	Trường Sơn, Quảng Ninh	1.7	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
53	Đỗ Văn	Đắc	Nam	01/6/1990	Đức Ninh Đông, Đồng Hới	4.3	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Quản lý Đất đai	Quản lý Đất đai	Anh B	B											
54	Nguyễn Thanh	Đàn	Nam	04/9/1989	Quảng Thuận, Ba Đồn	11.3	Đại học Lampang Rajabhat, Thái Lan	ĐH	CQ	Cử nhân	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Anh C	ĐH										Miễn thi: ngoại ngữ, tin học	
55	Nguyễn Thị Bích	Đào	Nữ	29/11/1991	Lộc Ninh, Đồng Hới	8.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH		Quản trị Kinh doanh		ĐH	B				X						Miễn thi ngoại ngữ	
56	Hoàng Tiến	Đạt	Nam	06/8/1994	Hải Đình, Đồng Hới	3.4	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán- Kiểm toán	Anh C	KTV											
57	Cao Thành	Đạt	Nam	9/6/1991	Bắc Lý, Đồng Hới	1.6	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
58	Phạm Thị	Diên	Nữ	16/6/1990	Võ Ninh, Quảng Ninh	4.2	Đại học khoa học Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Tin học	Công nghệ phần mềm	Anh B	ĐH										Miễn thi tin học	
59	Hồ Ngọc	Diễn	Nam	03/02/1984	Mỹ Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông Lâm Thái nguyên	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
60	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	28/3/1991	Đức Ninh, Đồng Hới	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
61	Nguyễn Văn	Định	Nam	10/1/1993	Quảng Hóa, Ba Đồn	18.1	Đại học luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Dân sự	Anh B	B											
62	Bùi Duy	Đoàn	Nam	29/8/1989	Đức Ninh, Đồng Hới	1.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B				X							

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
63	Lê Tiến	Đồng	Nam	02/9/1992	Quảng Phú, Quảng Trạch	1.5	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
64	Nguyễn Văn	Đồng	Nam	10/5/1983	Thanh Hóa, Tuyên Hóa	1.2	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường		Anh B	B											
65	Phạm Thế	Đồng	Nam	11/10/1993	Phường Ba Đồn, Ba Đồn	17.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Anh B	B											
66	Trần Đình	Đồng	Nam	13/7/1980	Đồng Trạch, Bố Trạch	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B				X							
67	Hoàng Xuân	Duẩn	Nam	10/01/1992	Xuân Ninh, Quảng Ninh	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán kiểm toán	Anh C	KTV											
68	Dương Minh	Đức	Nam	15/6/1994	Bắc Lý, Đồng Hới	8.2	Học Viện Tài chính	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh C	B											
69	Nguyễn Anh	Đức	Nam	10/5/1991	Lệ Ninh, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
70	Bùi Anh	Đức	Nam	03/4/1992	Quảng Hưng, Quảng Trạch	11.3	Đại học Khoa học Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Tin học	Mạng và Truyền thông	Anh C	ĐH											Miễn thi tin học
71	Lê Anh	Đức	Nam	05/8/1990	Kiến Giang, Lệ Thủy	15.5	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	KTS	Kiến trúc công trình	Kiến trúc công trình	Anh B	B											
72	Lê Việt	Đức	Nam	15/8/1992	Đại Trạch, Bố Trạch	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính	Anh B	B											
73	Trần Quang	Đức	Nam	18/2/1991	Đồng Sơn, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị tài chính	Anh C	B											
74	Trịnh Thị Phương	Dung	Nữ	16/7/1994	Cầu Giấy, Hà Nội	9.1	Đại học Lao động - Xã hội	ĐH	CQ	Cử nhân	Bảo hiểm		Anh B	B											
75	Lê Hoàng	Dung	Nữ	08/10/1991	Đồng Phú, Đồng Hới	3.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	B											

*Handwritten signature*

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2						Ưu tiên 3		Ghi chú													
															Số quan QR, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN												
																									Ng dân tộc											
76	Nguyễn Thị Khánh	Dung	Nữ	02/4/1994	NT Việt Trung, Bồ Trạch	3.6	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B1	B																						
77	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	14/3/1993	Quảng Phú, Quảng Trạch	3.1	Đại học Quy Nhơn	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B																						
78	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	13/6/1993	Duy Ninh, Quảng Ninh	3.4	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B																						
79	Đình Anh	Dũng	Nam	12/02/1988	Quy Đạt, Minh Hóa	15.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Anh B	B																						
80	Đình Tiến	Dũng	Nam	29/11/1990	Yên Hóa, Minh Hóa	1.3	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường		Anh B	KTV																						
81	Lê Minh	Dũng	Nam	25/9/1994	Hoàn Lão, Bồ Trạch	4.4	Đại học Giao thông vận tải	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Kỹ thuật an toàn giao thông	Anh B	B																						
82	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	10/10/1982	Mai Hóa, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B																					Thiếu bảng điểm	
83	Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	26/5/1992	Đại Trạch, Bồ Trạch	1.6	Đại học Lâm nghiệp	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm học		Anh B	B																						
84	Phạm Anh	Dũng	Nam	19/01/1992	Quảng Thuận, Ba Đồn	11.3	Đại học Bách Khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH	X																				Miễn thi tin học	
85	Trần Đức	Dũng	Nam	26/3/1986	Văn Hóa, Tuyên Hóa	15.3	Đại học Bách Khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		Anh B	B																						
86	Trương Anh	Dũng	Nam	29/6/1994	Minh Hóa, Minh Hóa	4.4	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B				X																		GCNTN
87	Đào Thùy	Dương	Nữ	24/7/1982	Quán Hậu, Quảng Ninh	11.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH																					Miễn thi tin học	
88	Trần Quốc	Dương	Nam	22/3/1991	Bắc Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Ningbo Trung Quốc	ThS		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh IELTS	B																					Miễn thi ngoại ngữ	

*[Handwritten signature]*

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
89	Trần Thị Kiều	Dương	Nữ	01/6/1991	Quảng Tiên, Ba Đồn	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	KTV											
90	Trần Thùy	Dương	Nữ	26/02/1991	Quảng Tiên, Quảng Trạch	3.5	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh C	B											
91	Trương Tuấn	Dương	Nam	30/4/1991	Ba Đồn, Ba Đồn	8.2	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng	Tín dụng	IELTS	B											
92	Phạm Hồng	Duy	Nam	23/01/1992	Đồng Phú, Đồng Hới	1.7	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Làm nghiệp		Anh B	B											Viên chức
93	Lê Thị	Gái	Nữ	17/6/1993	Quảng Thọ, Ba Đồn	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Dân sự	Anh B	B											
94	Phạm Thị Linh	Giang	Nữ	04/10/1993	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Quy Nhơn	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng		Anh C	B											
95	Hoàng Thị Lệ	Giang	Nữ	11/9/1994	Vạn Trạch, Bố Trạch	3.5	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh C	B											
96	Lâm Thị	Giang	Nữ	10/02/1994	Vân Hóa, Tuyên Hóa	12.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh B	B					X						
97	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	08/6/1992	Thanh Trạch, Bố Trạch	4.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản	Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản	Anh B	B											
98	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	16/7/1990	Hoàn Lão, Bố Trạch	3.6	Đại học Đà Nẵng	ThS	CQ	ThS		Tài chính- Ngân hàng	Anh B1	B											
99	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	10/8/1993	Quảng Châu, Quảng Trạch	18.1	Đại học luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính- Nhà nước	Anh C	B											
100	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	28/5/1986	Nam Lý - Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế - Huế	ThS	CQ		Quản trị Kinh doanh		Anh văn B1	B					X						
101	Trần Thị	Giang	Nữ	08/3/1990	Quy Đạt, Minh Hóa	3.6	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B					x						

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú					
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN				
102	Nguyễn Duy	Giáp	Nam	28/3/1984	Hung Trạch, Bồ Trạch	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B													Viên chức		
103	Nguyễn Trọng	Giáp	Nam	19/9/1988	Bác Lý, Đồng Hới	1.4	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	KTV															
104	Võ Quang	Giáp	Nam	25/3/1994	Lộc Ninh, Đồng Hới	18.1	Đại học Luật-Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B															
105	Bùi Thị	Hà	Nữ	16/6/1991	Đức Ninh Đông, Đồng Hới	10.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Doanh nghiệp	Anh C	KTV															
106	Cao Thúy	Hà	Nữ	16/12/1993	Hải Thành, Đồng Hới	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Kinh tế quốc tế	Anh B	B															
107	Đào Thị Ngọc	Hà	Nữ	14/10/1993	Đại Trạch, Bồ Trạch	3.1	Đại học lâm nghiệp	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B															
108	Dương Hồng	Hà	Nam	10/6/1993	Sơn Trạch, Bồ Trạch	1.3	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B															
109	Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	22/8/1993	Vạn Trạch, Bồ Trạch	3.6	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B															
110	Hoàng Việt	Hà	Nam	06/02/1991	Vạn Trạch, Bồ Trạch	8.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh		Anh B	B				x											
111	Hoàng Việt	Hà	Nữ	05/11/1993	Xuân Thủy, Lệ Thủy	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Hành chính	Anh B	B															
112	Lê Thị Ngọc	Hà	Nữ	29/9/1993	An Ninh, Quảng Ninh	8.1	Đại học Kinh tế-Huế	ĐH	CQ		Quản trị Kinh doanh		Anh B1	B1															
113	Ngô Thị Khánh	Hà	Nữ	01/02/1988	Lộc Ninh, Đồng Hới	3.2	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	VLVH	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		ĐH	B														Miễn thi ngoại ngữ	
114	Nguyễn Mạnh	Hà	Nam	16/9/1982	Bác Trạch, Bồ Trạch	1.6	Đại học Huế	Ths			Lâm học		Anh B	B				X	X										

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú			
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN		
115	Nguyễn Thanh	Hà	Nam	27/12/1992	Lộc Ninh, Đồng Hới	13.1	Đại học Giao thông vận tải	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng đường bộ	Anh B	B													
116	Nguyễn Thanh	Hà	Nam	02/11/1986	Đồng Phú, Đồng Hới	8.1	Đại học Nakhon Phanom, Thái Lan	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh B	B												Miễn thi ngoại ngữ	
117	Nguyễn Thị Hải	Hà	Nữ	20/10/1994	Quán Hàu, Quảng Ninh	8.1	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh thương mại	Anh C	B													
118	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	16/10/1994	Hải Đình, Đồng Hới	8.2	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ		Tài chính ngân hàng		Toeic	B													
119	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	25/10/1989	Xuân Ninh, Quảng Ninh	8.1	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh thương mại	Anh B	B													
120	Phạm Hoàng	Hà	Nam	11/6/1986	Đồng Phú, Đồng Hới	1.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B				X									
121	Phạm Thị Hoàng	Hà	Nữ	02/6/1989	Duy Ninh, Quảng Ninh	8.2	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	ĐH													Miễn thi tin học
122	Phạm Thị Ngọc	Hà	Nữ	08/01/1988	Bắc Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Đà Nẵng	ThS		ThS	Quản trị kinh doanh		ĐH	B													Miễn thi ngoại ngữ
123	Phạm Thị Việt	Hà	Nữ	12/7/1991	Duy Ninh, Quảng Ninh	1.9	Đại học Sư phạm Huế	ThS		ThS	Thực vật học	Thực vật học	Anh B1	B													
124	Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	25/12/1994	Nam Lý, Đồng Hới	17.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh C	KTV													
125	Phạm Ngọc	Hải	Nam	10/6/1992	Quảng Tùng, Quảng Trạch	1.1	Đại học Nông lâm Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B													
126	Trần Văn	Hải	Nam	02/4/1986	Mai Hóa, Tuyên Hóa	4.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng cầu đường	Anh C	B													
127	Dương Đình	Hải	Nam	23/11/1986	Mai Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú						
															Ng dân tộc	Sy quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thng binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN					
128	Nguyễn Hữu Long	Hải	Nam	30/10/1985	Bắc Lý, Đồng Hới	4.3	Đại học Huế	ThS		ThS	Quản lý Đất đai		Anh B1	B																
129	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	10/3/1993	Quảng Thọ, Ba Đồn	3.1	Đại học dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	KTV																
130	Phạm Thanh	Hải	Nam	04/3/1988	Quảng Tiên, Ba Đồn	15.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	KTS	Kiến trúc		Anh B	B																
131	Trần Xuân	Hải	Nam	15/5/1990	Quảng Văn, Ba Đồn	11.3	Đại học Khoa học-Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Tin học		Anh B	ĐH				X										Miễn thi tin học		
132	Trương Thanh	Hải	Nam	29/9/1987	Mình Hóa, Minh Hóa	1.3	Đại học Lâm nghiệp	ĐH	CQLT	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B					X											
133	Cao Thị Thu	Hằng	Nữ	15/12/1993	Đồng Lê, Tuyên Hóa	4.4	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Dân sự	Anh C	B																
134	Đình Thúy	Hằng	Nữ	01/11/1994	Liên Trạch, Bố Trạch	17.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B																
135	Hà Thanh	Hằng	Nữ	09/01/1992	Hoàn Lão, Bố Trạch	10.1	Đại học Kinh tế- Đà Nẵng	ĐH	CQLT	Cử nhân	Tài chính ngân hàng		Anh B	KTV																
136	Nguyễn Lệ	Hằng	Nữ	04/10/1991	Đồng Lê, Tuyên Hóa	4.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kỹ thuật phần mềm	Công nghệ phần mềm	Anh B	ĐH														Miễn thi tin học		
137	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/10/1994	Quảng Phú, Quảng Trạch	3.5	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Anh Toeic	B																
138	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/5/1993	Quảng Châu, Quảng Trạch	7.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	ĐH	B														Miễn thi ngoại ngữ		
139	Nguyễn Thị Mai	Hằng	Nữ	06/3/1988	Hoàn Lão, Bố Trạch	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh tổng hợp	Anh C	KTV															Viên chức	
140	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	20/3/1990	Quán Hậu, Quảng Ninh	4.4	Đại học Khoa học Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Tư pháp Dân sự	Anh B	B																

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
															Ng dân tộc	Sy quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người i nhiễ m chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
141	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	14/10/1992	Kiến Giang, Lê Thủy	3.3	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	TOEIC 465	B											
142	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	21/10/1990	Cam Thủy, Lê Thủy	7.1	Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tiếng Anh	Tiếng Anh	ĐH	B											Miễn thi ngoại ngữ
143	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	20/4/1993	Đồng Phú, Đồng Hới	8.2	Đại học Phương Đông	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - ngân hàng		Anh B	B											
144	Phan Thị	Hằng	Nữ	15/2/1994	Đức Ninh, Đồng Hới	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật kinh tế	Luật hợp đồng	Anh B	B											
145	Trần Thị	Hằng	Nữ	21/11/1990	Hồng Thủy, Lê Thủy	3.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B				X							
146	Trần Thúy	Hằng	Nữ	08/11/1992	Hải Đình, Đồng Hới	3.5	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
147	Đình Thị	Hạnh	Nữ	17/3/1989	Hoàn Lão, Bồ Trạch	3.5	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B				X							
148	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	09/6/1981	Quảng Thuận, Ba Đồn	11.3	Đại học công nghệ - Đại học QG Hà Nội	ĐH	VLVH	Cử nhân	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH											Miễn thi tin học
149	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	25/01/1990	Kiến Giang, Lê Thủy	17.2	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B											
150	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	08/8/1990	Thanh Thủy, Lê Thủy	8.1	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ-HLT	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh thương mại	Anh B	KTV											
151	Phan Đức	Hạnh	Nam	04/4/1990	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Học viện Tài chính	ThS	CQ	ThS	Kinh tế	Tài chính- Ngân hàng	Anh B1	B											
152	Phan Thị	Hào	Nữ	09/10/1991	Trung Trạch, Bồ Trạch	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - kiểm toán	Anh C	KTV											
153	Trần Hoàng	Hào	Nam	15/11/1985	Phú Hải, Đồng Hới	8.2	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	VLVH	Cử nhân	Ngân hàng		Anh B	B											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
154	Lê Đức	Hậu	Nam	23/9/1994	Quán Hậu, Quảng Ninh	17.2	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B				X							
155	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	16/02/1994	Hiên Ninh, Quảng Ninh	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên rừng		Anh B	B											
156	Nguyễn Thị	Hiêm	Nữ	28/9/1993	Đại Trạch, Bồ Trạch	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính	Anh C	B											(Giấy CNTT)
157	Hà Thị Thu	Hiên	Nữ	15/11/1994	Đồng Phú, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật -Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật dân sự	Anh B	B											
158	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	13/6/1994	Hồng Thủy, Lệ Thủy	17.2	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B											
159	Nguyễn Thị Thu	Hiên	Nữ	14/3/1993	Quảng Phương, Quảng Trạch	17.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh C	B				x							
160	Nguyễn Thị Thu	Hiên	Nữ	01/02/1987	Đồng Phú, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	VLVH	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	B											
161	Phan Thanh	Hiên	Nam	10/02/1991	Quảng Lưu, Quảng Trạch	1.6	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên Rừng và Môi trường		Anh B	B				x							
162	Trần Thị Thu	Hiên	Nữ	01/02/1993	Quán Hậu, Quảng Ninh	4.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản		Anh C	B											
163	Trần Thị Thu	Hiên	Nữ	23/8/1994	Tiến Hóa, Tuyên Hóa	17.2	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B											
164	Trần Xuân	Hiên	Nữ	27/6/1991	Quán Hậu, Quảng Ninh	3.3	Đại học Đông Á	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
165	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	20/11/1994	Quảng Liên, Quảng Trạch	3.1	Đại học Quy Nhơn	Đh	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B											
166	Nguyễn Thị Như	Hiếu	Nữ	15/9/1992	Thanh Thủy, Lệ Thủy	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	AnhC	KTV											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú						
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN					
167	Phan Trung	Hiếu	Nam	12/7/1987	Hải Trạch, Bố Trạch	17.2	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	KTV																
168	Trần Đình	Hiếu	Nam	16/10/1989	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B																
169	Trần Minh	Hiếu	Nam	17/01/1994	Quảng Long, Ba Đồn	1.5	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B																
170	Lê Quốc	Hiếu	Nam	16/3/1986	Xuân Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B					X											
171	Nguyễn Thị Minh	Hoa	Nữ	22/9/1986	Duy Ninh, Quảng Ninh	3.4	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - kiểm toán	Anh C	B																
172	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	24/01/1993	Xuân Ninh, Quảng Ninh	3.4	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B																
173	Trần Thị	Hoa	Nữ	10/3/1990	Mai Hóa, Tuyên Hóa	3.6	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B																
174	Từ Đức	Hóa	Nam	06/3/1984	Hoàn Lão, Bố Trạch	12.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Trồng trọt		Anh B	VP																
175	Đình Xuân	Hòa	Nam	15/10/1984	Trung Hóa, Minh Hóa	1.4	Đại học lâm nghiệp	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B																
176	Đoàn Trung	Hòa	Nam	21/7/1993	Đức Ninh Đông, Đồng Hới	8.2	Đại học Kinh tế, ĐH QG Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính	Toeic	B																
177	Mai Khánh	Hòa	Nam	23/9/1989	Phường An Tây, Huế	3.6	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng		Anh C	B																
178	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	10/7/1989	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	17.3	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	ĐH	CQ-HLT	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Anh B	B																
179	Phạm Quang	Hòa	Nam	09/3/1993	Quảng Hòa, Ba Đồn	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính	Anh B	B																

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú				
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN			
180	Võ Quý	Hòa	Nữ	22/3/1993	Đức Ninh Đông, Đồng Hới	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng	Ngân hàng	Toeic	KTV														
181	Lê Ngọc Anh	Hoài	Nam	27/7/1990	Ba Đồn, Ba Đồn	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	Anh B	KTV														
182	Nguyễn Thị Việt	Hoài	Nữ	07/6/1989	Nam Lý, Đồng Hới	8.2	Đại học Đà Nẵng	Ths				Tài chính ngân hàng	Anh C	B														
183	Nguyễn Thị Xuân	Hoài	Nữ	24/8/1993	Duy Ninh, Quảng Ninh	4.4	Đại học Luật Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Toeic	B														
184	Phan Thanh	Hoài	Nam	20/11/1993	Đồng Lê, Tuyên Hóa	17.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B														
185	Trương Minh	Hoàng	Nam	10/8/1991	Thị trấn Hoàn Lão, Bố Trạch	4.5	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường		Anh B1	KTV														
186	Nguyễn	Hoàng	Nam	21/9/1984	Duy Ninh, Quảng Ninh	8.1	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh		Anh B	B											x			
187	Nguyễn Đình	Hoàng	Nam	10/7/1994	Đồng Phú, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	B														
188	Nguyễn Thái	Hoàng	Nam	01/5/1987	An Ninh, Quảng Ninh	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Anh B	B														
189	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	05/8/1992	Thuận Hóa, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B														
190	Trương Tấn	Hoàng	Nam	19/5/1993	Kiến Giang, Lệ Thủy	4.5	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ		Xây dựng Cầu đường		Anh B	B														
191	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	25/01/1994	Phong Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Anh B	B														
192	Nguyễn Diệu	Hồng	Nữ	22/12/1993	Bác Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Anh B	B														

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiêm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
193	Nguyễn Mạnh	Hồng	Nam	22/12/1979	Võ Ninh, Quảng Ninh	5.3	Đại học Y dược - Huế	ĐH	CQ		Dược		Anh B1	B					X						
194	Nguyễn Thị Mỹ	Hồng	Nữ	10/3/1992	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh C	KTV											
195	Phan Thị	Hồng	Nữ	15/11/1994	Đại Trạch, Bố Trạch	3.5	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Toeic 690	B											
196	Trần Thị Ánh	Hồng	Nữ	15/10/1991	Hải Đình, Đồng Hới	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ-HLT	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B											
197	Nguyễn Đình	Hứa	Nam	19/01/1991	Buôn Đôn, Đắc Lắc	1.7	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Anh B	B											
198	Võ Đình	Huân	Nam	19/5/1993	Thị trấn Kiến Giang, Lệ Thủy	3.6	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Tài chính kế toán	Anh B	B											
199	Phạm Thị	Huệ	Nữ	14/9/1993	Đường Quang Trung, Ba Đồn	3.5	Đại học Kinh tế -Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B											
200	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	31/10/1991	Nam Lý, Đồng Hới	3.5	Học viện Hành chính Quốc gia	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính quốc tế	Anh Toeic 655	B											
201	Nguyễn Thị Hoa	Huệ	Nữ	12/6/1989	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	3.1	Đại học Đông Á	ĐH	CQ-HLT	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B											Thiếu Tin học, NN
202	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	Nữ	22/5/1992	Bác Lý, Đồng Hới	3.4	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ-HLT	Cử nhân	Kế toán	Kế toán tổng hợp	Anh B	B											
203	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	Nữ	23/12/1992	Hoa Thủy, Lệ Thủy	7.1	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		ĐH	B											Miễn thi ngoại ngữ
204	Phan Thị	Huệ	Nữ	01/3/1991	Phú Hải, Đồng Hới	3.4	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	KTV											
205	Đoàn Thanh	Hùng	Nam	25/12/1990	Đồng Hóa, Tuyên Hóa	4.5	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường	Xây dựng cầu đường	Anh B	B				x							

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
206	Lê Xuân	Hùng	Nam	30/5/1991	Thuận Hóa, Tuyên Hóa	13.1	Đại học giao thông vận tải	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Đường bộ	Anh B	B											
207	Lương Duy	Hùng	Nam	15/10/1981	Bác Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Đà Nẵng	ĐH	TX	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh B	B											Viên chức
208	Nguyễn Lương	Hùng	Nam	20/01/1992	Nam Lý, Đồng Hới	15.3	Đại học Bách Khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		Anh B	B											
209	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	31/5/1984	Bác Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Công nghệ Sài Gòn	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị tài chính	Anh C	B				X							
210	Phan Quốc	Hùng	Nam	03/3/1993	Lộc Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường		Anh B	B											
211	Trần Thanh	Hùng	Nam	08/12/1991	Đồng Phú, Đồng Hới	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Hành chính - Nhà nước	Anh B	B											
212	Trương Thái	Hùng	Nam	10/9/1990	Quảng Thuận, Ba Đồn	5.2	Đại học Y Dược Huế	ĐH	CQ	Dược sĩ	Dược	Dược	Anh C	B											
213	Phan Ngọc	Hùng	Nam	06/10/1992	Phong Thủy, Lệ Thủy	8.1	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Luật Kinh tế	Anh B	B											
214	Trần Quang	Hùng	Nam	16/5/1985	Quảng Tùng, Quảng Trạch	1.4	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Anh B	B											
215	Trương Quốc	Hùng	Nam	15/9/1990	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính- Ngân hàng		Anh B	B											
216	Đoàn Thị Hòa	Hương	Nữ	18/11/1984	Đồng Phú, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	ĐH	TC	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh (tổng hợp)	ĐH Tiếng Trung	VP											Miễn thi ngoại ngữ
217	Cao Thị Lan	Hương	Nữ	02/12/1994	Đồng Lê, Tuyên Hóa	3.6	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	KTV											
218	Hoàng Thị Mỹ	Hương	Nữ	03/4/1992	Sơn Hóa, Tuyên Hóa	3.5	Đại học Quy Nhơn	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú				
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN			
219	Hoàng Thị Mỹ	Hương	Nữ	07/4/1993	Vạn Trạch, Bồ Trạch	8.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng	Ngân hàng	Anh C	KTV														
220	Hoàng Thị Thanh	Hương	Nữ	30/12/1992	Đức Ninh Đông, Đồng Hới	3.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh C	KTV				X										
221	Lê Thị Hồng	Hương	Nữ	20/01/1991	Quán Hầu, Quảng Ninh	3.4	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh C	KTV														
222	Lê Thị Lan	Hương	Nữ	07/6/1991	Đồng Phú, Đồng Hới	8.2	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng		Anh C	B														
223	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/7/1994	Thạch Hóa, Tuyên Hóa	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính	Anh B	B														
224	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/10/1992	Vạn Ninh, Quảng Ninh	3.1	Đại học Đà Lạt	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B														
225	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/3/1991	An Ninh, Quảng Ninh	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	KTV														
226	Trần Thị	Hương	Nữ	10/3/1993	Nam Hóa, Tuyên Hóa	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ		Kế toán		Anh B	B														
227	Trần Thị	Hương	Nữ	02/12/1993	Quảng Liên, Quảng Trạch	18.1	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh C	B														
228	Trần Thị Diệu	Hương	Nữ	23/10/1993	Đồng Trạch, Bồ Trạch	3.5	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	B				x										
229	Trần Chí	Hương	Nam	17/4/1990	Đồng Mỹ, Đồng Hới	8.2	Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP HCM	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng		TOEIC 740	B														
230	Trương Minh	Trương	Nam	28/2/1994	Thị trấn Quán Hầu, Quảng Ninh	4.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B														
231	Phạm Thị	Hương	Nữ	17/11/1992	Gia Ninh, Quảng Ninh	4.4	Đại học Luật - Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B														

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
232	Trần Thị Bích	Hường	Nữ	11/01/1992	Đồng Phú, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật học	Luật hành chính	Anh B	B											
233	Nguyễn Quang	Huy	Nam	25/9/1988	Nam Lý, Đồng Hới	1.3	Đại học Nông lâm - Thái Nguyên	ĐH	CQLT	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
234	Đâu Thị	Huyền	Nữ	13/8/1993	Mai Hóa, Tuyên Hóa	18.1	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B											
235	Đỗ Thị Thu	Huyền	Nữ	01/02/1993	Trung Trạch, Bố Trạch	3.1	Đại học Đông Á	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B											
236	Hoàng Thị Thu	Huyền	Nữ	15/10/1994	NT Việt Trung, Bố Trạch	3.3	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh C	B											
237	Lê Thị Diệu	Huyền	Nữ	20/12/1993	Quảng Tiên, Ba Đồn	18.1	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B											
238	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/6/1994	Lý Trạch, Bố Trạch	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
239	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/5/1993	Võ Ninh, Quảng Ninh	3.4	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B											
240	Lê Thị Thương	Huyền	Nữ	01/9/1989	Thuận Đức, Đồng Hới	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH		Kế toán		Anh B	B				X							
241	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/8/1993	Hương Sơn, Hà Tĩnh	18.1	Đại học Luật Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B											
242	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	09/4/1994	Vân Hóa, Tuyên Hóa	3.5	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B											
243	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/7/1989	Nam Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế- Luật TP Hồ Chí Minh	ThS		Ths	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Anh B	B											
244	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	1/12/1992	Quảng Sơn, Ba Đồn	18.1	Đại học luật Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN			
245	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	15/9/1993	Sơn Thủy, Lệ Thủy	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B													
246	Võ Nhật	Huyền	Nữ	27/02/1993	Đồng Mỹ, Đồng Hới	15.5	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc		Anh C	B													
247	Lê Hương	Huyền	Nữ	27/8/1994	Đồng Lê, Tuyên Hóa	8.2	Đại học kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng	Anh C	B												GCNTN	
248	Lê Hồng	Khánh	Nam	02/9/1992	Nông trường Việt Trung, Bồ Trạch	17.2	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B													
249	Đặng Duy	Khánh	Nam	05/5/1986	Thanh Hóa, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Anh B	B													
250	Đặng Quốc	Khánh	Nam	02/9/1990	Đức Ninh, Đồng Hới	1.7	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B					X								
251	Thái Xuân	Khánh	Nam	21/11/1982	Thương Hóa, Minh Hóa	17.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B													
252	Lê Nhật	Khoa	Nam	2/12/1988	Nam Lý, Đồng Hới	16.1	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Xây dựng công trình thủy		Anh C	B													
253	Trần Thị Minh	Khuê	Nữ	20/8/1992	Sơn Thủy, Lệ Thủy	17.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý thị trường bất động sản	Anh B	B													
254	Đình Thanh	Khương	Nam	25/2/1990	Xuân Hóa, Minh Hóa	17.3	Đại học nông lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B													
255	Phạm Trung	Kiên	Nam	13/10/1986	Cự Năm, Bồ Trạch	1.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	LT-VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B					X	X							
256	Cao Thị Vân	Kiểu	Nữ	28/8/1992	Đà Lạt, Lâm Đồng	15.5	Đại học Yersin Đà Lạt	ĐH	CQ	KTS	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Anh B	B													
257	Nguyễn Đức	Kỳ	Nam	01/8/1983	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	9.1	Đại học Đông Á	ĐH	CQ-HLT	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị nguồn nhân lực	Trung cấp	KTV													



TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
271	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	21/02/1993	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Công đoàn	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	B											
272	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	12/7/1994	Bắc Lý, Đồng Hới	4.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	KTV											
273	Trương Thị Huyền	Linh	Nữ	03/01/1990	Quảng Thuận, Ba Đồn	17.2	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B											
274	Bùi Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/6/1993	Thanh Trạch, Bố Trạch	3.5	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
275	Cao Thùy	Linh	Nữ	25/11/1994	Ba Đồn, Ba Đồn	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Dân sự	Anh B	B											
276	Hoàng	Linh	Nam	27/7/1988	Đồng Lê, Tuyên Hóa	15.5	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc		Anh B	B											
277	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	25/12/1990	Quảng Minh, Ba Đồn	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	B1	ĐH											Miễn thi tin học
278	Lê Thanh	Linh	Nam	21/6/1991	Nghiã Ninh, Đồng Hới	1.6	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
279	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	27/8/1993	Cao Quảng, Tuyên Hóa	18.1	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật hợp đồng	Anh B	B											
280	Nguyễn Quang	Linh	Nam	16/01/1994	Thanh Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng		Anh B	B											
281	Nguyễn Thế Nhật	Linh	Nam	08/5/1991	Lương Ninh, Quảng Ninh	15.1	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng Cầu Đường	Anh B	B											
282	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	09/6/1993	Lệ Ninh, Lệ Thủy	3.3	Đại học Đông Á	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B											
283	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	09/5/1989	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	KTV											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú					
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN				
284	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	30/8/1994	Mai Thùy, Lê Thùy	7.1	Đại học Ngoại ngữ - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		ĐH	B													Miễn thi ngoại ngữ		
285	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	06/02/1992	Đông Hà, Quảng Trị	8.1	Đại học Đông Á	ĐH	CQLT	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		Anh B	B															
286	Nguyễn Văn	Linh	Nam	29/9/1990	Thanh Hóa, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường		Anh B	B															
287	Phạm Hoàng	Linh	Nam	25/10/1990	Cánh Dương, Quảng Trạch	19.1	Đại học Sư phạm Quảng Tây	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Du lịch	Quản trị Du lịch	Tiếng Trung	B														Miễn thi ngoại ngữ	
288	Phạm Ngọc Khánh	Linh	Nữ	19/12/1991	Đức Ninh Đông, Đồng Hới	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	ĐH	B														Miễn thi ngoại ngữ	
289	Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	22/3/1994	Quảng Trung, Ba Đồn	18.1	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật hợp đồng	Anh B	B															
290	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	12/8/1990	Phong Thủy, Lê Thủy	14.1	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn	ĐH	CQ	Cử nhân	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Anh B	B															
291	Trần Hoàng Thảo	Linh	Nữ	01/4/1994	Kiến Giang, Lê Thủy	3.1	Đại học Lao động Xã hội	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B															
292	Trần Ngọc	Linh	Nữ	05/7/1989	Liên Thủy, Lê Thủy	4.3	Đại học nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý thị trường bất động sản	Anh B	B															
293	Trương Nhật	Linh	Nam	02/6/1991	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Kỹ thuật công nghệ TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán- Kiểm toán	Anh B	B															
294	Lê Thị Châu	Loan	Nữ	19/7/1984	Võ Ninh, Quảng Ninh	8.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh B	B														Bằng CĐ	
295	Lê Thị Hồng	Loan	Nữ	16/3/1991	Tiến Hóa, Tuyên Hóa	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ-HLT	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng	Anh B	B				X											
296	Lê Thị Thanh	Loan	Nữ	24/4/1989	Kim Thủy, Lê Thủy	3.2	Đại học Đà Nẵng	ThS		ThS	Quản trị Kinh doanh		Anh B1	KTV															

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú				
															Ng dân tộc	Sy quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN					
297	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	2/2/1989	Phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế	18.1	Đại học Khoa học Huế	ThS		Cử nhân	Luật kinh tế		Anh C	KTV															
298	Trần Thị	Loan	Nữ	28/5/1992	Cam Thủy, Lệ Thủy	3.5	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B															
299	Trần Thị	Loan	Nữ	22/11/1991	Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	18.1	Đại học luật Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B															
300	Trần Thị Thanh	Loan	Nữ	26/3/1993	Quảng Văn, Ba Đồn	12.2	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học đất		Anh C	B															
301	Nguyễn Thanh	Long	Nam	01/9/1987	Đồng Lê, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B															
302	Nguyễn Văn	Long	Nam	04/10/1993	Hưng Trạch, Bồ Trạch	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng		Anh B	B															
303	Trần Hoàng	Long	Nam	14/02/1988	Đồng Phú, Đồng Hới	4.4	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng cầu đường	Anh B	B															
304	Võ Quang	Long	Nam	20/12/1991	Sơn Hóa, Tuyên Hóa	1.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B															
305	Phan Mậu	Luân	Nam	28/11/1989	Hàm Ninh, Quảng Ninh	8.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Marketing	Anh B	KTV				x											
306	Đỗ Văn	Luận	Nam	03/01/1988	Quốc Oai, Hà Nội	17.1	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	ThS		ThS	Quản lý Đất đai		Anh C	B															
307	Lê Thị Hiền	Lương	Nữ	19/9/1991	Xuân Ninh, Quảng Ninh	3.4	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B															
308	Nguyễn Thái	Lương	Nam	21/9/1987	Quảng Xuân, Quảng Trạch	1.4	Đại học Nông lâm Thái Nguyên	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Anh B	B				x										Thiếu bằng Cao đẳng	
309	Trần Thị	Lương	Nữ	06/10/1990	Phường Ba Đồn, Ba Đồn	20.1	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm		Anh B	B															

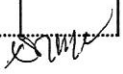
x

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú				
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN			
310	Phạm Thị	Lựu	Nữ	12/9/1991	Hải Thành, Đồng Hới	3.4	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B														
311	Đình Thị Khánh	Ly	Nữ	21/9/1990	Quy Đạt, Minh Hóa	3.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	KTV														
312	Lê Ly	Ly	Nữ	14/8/1993	Bắc Lý, Đồng Hới	8.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng chuẩn PSU	TOEIC 610	B														
313	Lê Thị	Ly	Nữ	26/8/1992	Nghiã Ninh, Đồng Hới	17.1	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B														
314	Trần Thị My	Ly	Nữ	09/10/1994	Xuân Thủy, Lệ Thủy	4.4	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật học	Anh C	B														
315	Đình Hải	Lý	Nam	28/02/1991	Trung Hóa, Minh Hóa	15.3	Đại học Thủy lợi	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng		Anh B	B														
316	Hoàng Minh	Lý	Nam	02/8/1992	Đức Ninh, Đồng Hới	10.1	Học viện Tài chính	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	B				x										
317	Lê Thị	Lý	Nữ	02/9/1991	Quảng Thanh, Quảng Trạch	18.1	Đại học Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B														
318	Võ Thị Minh	Lý	Nữ	10/8/1990	Dương Thủy, Lệ Thủy	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B														
319	Võ Văn	Lý	Nam	05/5/1993	Quảng Xuân, Quảng Trạch	1.4	Trường Đại học nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Tài nguyên rừng và Môi trường		Anh B	C														
320	Phan Thị Quỳnh	Mai	Nữ	26/02/1994	Hải Thành, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật -Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế		Anh B	B														
321	Võ Hùng	Mạnh	Nam	21/9/1989	Quảng Thanh, Quảng Trạch	11.2	Đại học Sài Gòn thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ - LT	Kỹ sư	Công nghệ thông tin		Anh C	ĐH														Miễn thi tin học
322	Dương Tiến	Mạnh	Nam	12/2/1992	Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	1.8	Đại học nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B														

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Số quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
323	Trần Tùng	Mậu	Nam	30/4/1983	Vạn Trạch, Bồ Trạch	1.1	Đại học Lâm Nghiệp	ĐH	TC	Cử nhân	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B											
324	Đặng Phúc	Minh	Nam	17/6/1988	Quảng Hòa, Ba Đồn	13.1	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông		Anh B	B											
325	Dương Công	Minh	Nam	02/7/1993	Tân Thủy, Lệ Thủy	8.1	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Anh B	B			X								
326	Nguyễn Anh	Minh	Nam	18/8/1993	Nam Lý, Đồng Hới	1.3	Đại học Lâm nghiệp	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên thiên nhiên		Anh B2	B											
327	Nguyễn Bình	Minh	Nam	18/8/1988	Quảng Tân, Ba Đồn	11.2	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH										Miễn thi tin học	
328	Phan Đình Nguyệt	Minh	Nữ	05/7/1988	Hải Thành, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Kinh doanh nông nghiệp	Anh B1	B											Viên chức
329	Võ Lê Anh	Minh	Nam	09/6/1994	Nam Trạch, Bồ Trạch	4.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B											
330	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	26/9/1991	Cao Quảng, Tuyên Hóa	8.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		Anh B	B											
331	Dương Thị Khánh	My	Nữ	15/8/1993	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng		Anh C	KTV											
332	Đường Tiểu	My	Nữ	01/9/1994	Hương Khê, Hà Tĩnh	4.3	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Anh B	B											(Giấy chứng nhận)
333	Nguyễn Thị Kiều	My	Nữ	26/9/1993	Lê Hóa, Tuyên Hóa	18.1	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Học	Anh Toeic	B											
334	Lê Thị Hoài	My	Nữ	16/01/1992	Hương Hóa, Quảng Trị	10.1	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Kế toán	Anh B	B											
335	Nguyễn Thị Tố	Na	Nữ	15/7/1992	Đại Trạch, Bồ Trạch	3.6	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	KTV											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú						
															Ng dân tộc	Số quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN					
336	Đặng Thị Hoài	Nam	Nữ	01/6/1990	Quảng Hòa, Ba Đồn	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	KTV																
337	Hoàng Hải	Nam	Nam	29/4/1991	Hương Hóa, Quảng Trị	1.7	Đại học Nông Lâm Huế	ThS		Thạc sĩ	Lâm học		Anh B1	B																
338	Hoàng Văn	Nam	Nam	15/8/1989	Cự Năm, Bồ Trạch	11.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Tin học		Anh B	ĐH															Miễn thi tin học	
339	Lê Phương	Nam	Nam	26/4/1993	Bác Lý, Đồng Hới	1.7	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B																
340	Nguyễn Thành	Nam	Nam	24/01/1979	Hạ Trạch, Bồ Trạch	1.5	Đại học Nông lâm Huế	ThS			Lâm học	Lâm học	Anh B1	B																
341	Nguyễn Văn	Nam	Nam	20/4/1994	Xuân Ninh, Quảng Ninh	9.1	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị nhân lực		Anh B1	B																
342	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	18/01/1993	Quảng Thuận, Ba Đồn	12.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh B	B																
343	Đoàn Thị Thúy	Nga	Nữ	01/12/1991	Đồng Lê, Tuyên Hóa	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh thương mại	Anh B	B																
344	Hà Thị Thúy	Nga	Nữ	10/12/1989	Mai Hóa, Tuyên Hóa	3.1	Đại học Công nghiệp Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh C	B																Viên chức
345	Hoàng Thị	Nga	Nữ	10/9/1992	Hương Hóa, Tuyên Hóa	4.4	Đại học Sài Gòn	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B																
346	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	04/02/1984	Phú Hải, Đồng Hới	8.1	Đại học La Trobe Úc	ThS		ThS	Quản trị Kinh doanh		ĐH	B																Miễn thi ngoại ngữ
347	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	19/11/1982	Bác Nghĩa, Đồng Hới	3.3	Đại học Đà Nẵng	ĐH	TX	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B																
348	Nguyễn Thị Tố	Nga	Nữ	10/5/1994	Đồng Hóa, Tuyên Hóa	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính	Anh C	B																

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú			
															Ng dân tộc	Sy quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN				
349	Trần Thị Ánh	Nga	Nữ	22/02/1984	Quy Đạt, Minh Hóa	5.2	Đại học Y dược Huế	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Dược học		Anh B	B					x									
350	Trần Thị Thúy	Nga	Nữ	18/7/1993	Quảng Phúc, Ba Đồn	3.6	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B														
351	Trương Thị	Nga	Nữ	18/9/1993	An Ninh, Quảng Ninh	18.1	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B														
352	Dương Thị	Ngân	Nữ	04/6/1993	Sơn Thủy, Lệ Thủy	17.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B														
353	Lương Thị Bích	Ngân	Nữ	26/3/1992	Đồng Lê, Tuyên Hóa	4.4	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật học	Luật hành chính	Anh B	B														
354	Lưu Thị	Ngân	Nữ	19/4/1991	Lộc Ninh, Đồng Hới	10.1	Đại học Sunderland	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng		Anh E	B														Miễn thi ngoại ngữ
355	Ngô Thị Kim	Ngân	Nữ	22/4/1994	Ba Đồn, Ba Đồn	17.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B														
356	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	10/02/1992	Gia Ninh, Quảng Ninh	18.1	Đại học Mỏ TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế		Anh B	B														
357	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	07/08/1989	Võ Ninh, Quảng Ninh	7.1	Đại học Đà Nẵng	ThS	CQ	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		ThS	B														Miễn thi ngoại ngữ
358	Hồ Đức	Nghĩa	Nam	03/12/1991	Ba đồn, Ba đồn	8.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		Anh C	B														
359	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	30/12/1992	Phường Ba Đồn, Ba Đồn	1.2	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường		Anh B	B					X									
360	Phạm Văn	Nghĩa	Nam	16/9/1989	Sơn Hóa, Tuyên Hóa	3.6	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B														
361	Đinh Thị Bích	Ngọc	Nữ	13/11/1994	Đồng Sơn, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính	Anh C	B														



TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người i nhiêm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN	
362	Đỗ Yến	Ngọc	Nữ	5/9/1993	Liên Thủy, Lệ Thủy	3.3	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán- Kiểm toán	Anh C	B												
363	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	Nữ	19/11/1989	Bắc Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Đông Á	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh B	KTV												
364	Lê Thị Anh	Ngọc	Nữ	17/11/1992	Hải Thành, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Dân sự	Anh B1	B												
365	Ngô Văn	Ngọc	Nam	20/6/1988	Nam Lý, Đồng Hới	3.1	Đại học Đại Nam	ĐH	CQ-HLT	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B												
366	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	Nữ	28/10/1992	Quảng Phúc, Ba Đồn	17.1	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B												
367	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	15/11/1994	Lệ Ninh, Lệ Thủy	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												
368	Nguyễn Chung	Ngọc	Nam	03/9/1992	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Anh B	B												
369	Phạm Tuấn	Ngọc	Nam	16/4/1988	Bắc Lý, Đồng Hới	3.2	Đại học Tài chính Nam Kinh	ThS	CQ	ThS	Quản trị Kinh doanh		Tiếng Hán A2	B											Miễn thi ngoại ngữ	
370	Phan Phương	Ngọc	Nữ	11/10/1994	Hoàn Lão, Bố Trạch	7.1	Học viện Khoa học Quân sự	ĐH	CQ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Biên, phiên dịch NN Anh	ĐH	B												Miễn thi ngoại ngữ
371	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	15/10/1991	Mỹ Thủy, Lệ Thủy	3.3	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B												
372	Trương Thị Bích	Ngọc	Nữ	03/09/1994	NT Việt Trung, Bố Trạch	3.5	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	TOEIC 660	B												
373	Lê Phương	Nguyễn	Nữ	08/10/1990	Thạch Hóa, Tuyên Hóa	8.1	Đại học Yersin Đà Lạt	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	B												
374	Phạm Phương	Nguyễn	Nam	29/12/1994	Hoàn Lão, Bố Trạch	17.2	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Anh B	B				X								

K. Phung





TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú				
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN			
401	Phùng Hải	Ninh	Nam	09/7/1978	Bắc Lý, Đồng Hới	1.8	Đại học Nông Lâm - Thái Nguyên	ĐH	CQ - LT	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B														
402	Trần Vĩnh	Ninh	Nam	04/5/1989	Phù Thủy, Lệ Thủy	4.4	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng Cầu Đường	Anh B	B														
403	Nguyễn Văn	Núi	Nam	16/4/1985	Hưng Thủy, Lệ Thủy	4.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B			x											
404	Đình Thị Huyền	Oanh	Nữ	25/8/1992	Hải Đình, Đồng Hới	8.2	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính	TOEIC 560	B														
405	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	9/5/1994	Xuân Ninh, Quảng Ninh	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật kinh tế	Luật hợp đồng	Anh B	B													(Giấy CNTN)	
406	Nguyễn Thị Lan	Oanh	Nữ	09/3/1993	Quảng Phong, Ba Đồn	18.1	Đại học Luật -Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B														
407	Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	16/8/1993	Phường Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán kiểm toán	Anh B1	B														
408	Nguyễn Văn	Phổ	Nam	07/10/1992	Quảng Minh, Ba Đồn	17.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B														
409	Trần Quang	Phong	Nam	20/6/1985	Hoàn Lão, Bồ Trạch	1.6	Đại học Huế	ThS		ThS	Lâm học		Anh B1	B														
410	Cao Quang	Phú	Nam	28/12/1984	Minh Hóa, Minh Hóa	1.3	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B													X	
411	Đỗ Văn	Phú	Nam	20/12/1982	Nam Lý, Đồng Hới	15.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường	Xây dựng cầu đường	Anh B	C				x										
412	Đặng Đình	Phúc	Nam	01/9/1988	Quảng Châu, Quảng Trạch	17.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B				x										
413	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	20/02/1993	Việt Trung, Bồ Trạch	12.1	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh B	B														

DM

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương & binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
414	Võ Văn	Phúc	Nam	12/4/1990	Quảng Đông, Quảng Trạch	21.1	Đại học Đông Á	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện tự động	Anh B	KTV											
415	Hoàng Hữu	Phước	Nam	05/4/1992	Đức Ninh, Đồng Hới	16.1	Đại học Bách Khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng công trình thủy		Anh B	B											
416	Lê Hà	Phương	Nữ	03/12/1992	Đại Trạch, Bố Trạch	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh C	B											
417	Lê Thị Lan	Phương	Nữ	12/3/1990	Đồng Phú, Đồng Hới	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	KTV						x					
418	Trần Thị An	Phương	Nữ	09/4/1986	Lộc Ninh, Đồng Hới	2.2	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	ĐH	CQ	BS	Thú y		Anh B	B											
419	Bùi Quang	Phương	Nam	20/6/1991	Nam Trạch, Bố Trạch	4.4	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng cầu đường	Anh B	B											
420	Cao Thị	Phương	Nữ	10/4/1994	Tiến Hóa, Tuyên Hóa	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh C	B											
421	Cao Văn	Phương	Nam	02/12/1988	Trung Hóa, Minh Hóa	1.4	Đại học Quảng Bình	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
422	Đoàn Thị Nhã	Phương	Nữ	29/01/1994	Phong Thủy, Lệ Thủy	4.4	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ		Luật		Anh B	B					X						
423	Dương Thị Mỹ	Phương	Nữ	10/10/1993	Lệ Ninh, Lệ Thủy	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh C	KTV											
424	Lê Anh	Phương	Nữ	04/7/1994	Bác Lý, Đồng Hới	3.3	Học viện Tài chính	ĐH	CQ		Kế toán		Toeic 805	B											
425	Lê Nguyễn Lan	Phương	Nữ	07/3/1989	Đại Trạch, Bố Trạch	3.1	Đại học Đà Nẵng	ThS		Thạc sĩ	Kế toán		Anh C	B					X						
426	Lê Thị Thanh	Phương	Nữ	10/10/1993	Duy Ninh, Quảng Ninh	5.3	Đại học Y dược Huế	ĐH	CQ		Dược học		Toeic 645	B											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú			
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN				
427	Nguyễn Đoàn	Phương	Nam	22/5/1989	Đồng Lê, Tuyên Hóa	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Anh B	KTV														
428	Nguyễn Duy	Phương	Nam	28/8/1988	Ba Đồn, Ba Đồn	16.1	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng công trình thủy		Anh B	B														
429	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	24/12/1993	Thanh Thủy, Lệ Thủy	10.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng		Anh C	KTV														
430	Nguyễn Thùy	Phương	Nữ	26/9/1994	Lộc Ninh, Đồng Hới	8.2	Đại học Ngoại thương	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính quốc tế	TOEIC 825	B														
431	Nguyễn Xuân	Phương	Nam	19/3/1994	Nam Trạch, Bố Trạch	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật Hợp đồng	Anh B	B														
432	Phạm Thị	Phương	Nữ	30/11/1994	Quảng Phú, Quảng Trạch	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B														
433	Phan Khánh	Phương	Nữ	02/9/1993	Huyện KBang, Gia Lai	3.3	Đại học kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán-kiểm toán	Anh B	B														
434	Phan Thị Minh	Phương	Nữ	03/6/1989	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Tôn Đức Thắng	ThS	CQ	ThS		Kế toán	Anh B	KTV														
435	Thái Thị	Phương	Nữ	24/09/1986	TT Quán Hàu, Quảng Ninh	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Kinh doanh nông nghiệp	Anh B	B														
436	Trần Thị Như	Phương	Nữ	06/8/1993	Quảng Long, Ba Đồn	12.2	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học đất		Anh C	B														
437	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	20/9/1993	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh C	B														
438	Dương Thị	Phương	Nữ	10/10/1989	Xuân Thủy, Lệ Thủy	11.1	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh	ĐH	LT-VLVH	Kỹ sư	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH				X	X								Miễn thi tin học	
439	Phan Thị Nhật	Phương	Nữ	05/12/1992	Đại Trạch, Bố Trạch	10.1	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng	Anh B	B														

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú			
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiên khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN		
440	Tạ Khánh	Phượng	Nữ	16/6/1993	Ba Đồn, Ba Đồn	9.1	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực	Anh C	B													
441	Lê Thị Hồng	Phượng	Nữ	04/6/1991	Xuân Thủy, Lệ Thủy	3.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	KTV													
442	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	08/8/1990	Quy Nhơn, Bình Định	8.2	Đại học Kinh tế TP HCM	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Doanh nghiệp	Anh C	B													
443	Phan Thị Bích	Phượng	Nữ	01/01/1992	Đại Trạch, Bố Trạch	17.2	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B													
444	Võ Thị Hồng	Phượng	Nữ	28/8/1994	Sơn Thủy, Lệ Thủy	4.4	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ		Luật Kinh tế		Anh B	B				X									
445	Nguyễn Hồng	Quán	Nam	25/12/1992	Quảng Thọ, Ba Đồn	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	TOEIC 400	B													
446	Nguyễn Hồng	Quán	Nam	20/4/1990	Quảng Đông, Quảng Trạch	18.1	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật học		Anh B	B													
447	Trần Hồng	Quán	Nam	3/4/1992	Hải Thành, Đồng Hới	8.1	Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị ngoại thương	Anh B	B													
448	Trần Ngọc	Quang	Nam	18/4/1991	Hoàn Lão, Bố Trạch	13.1	Đại học Xây dựng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	Xây dựng cầu đường	Anh B	B													
449	Trương Minh	Quang	Nam	22/10/1988	Bác Lý, Đồng Hới	3.6	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B													
450	Nguyễn Thị Hương	Quế	Nữ	16/12/1988	Trường Sơn, Quảng Ninh	3.4	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B				X									
451	Nguyễn Bá Minh	Quốc	Nam	20/5/1992	Cam Thủy, Lệ Thủy	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Anh B	B													
452	Lê Công	Quý	Nam	20/8/1992	An Ninh, Quảng Ninh	1.7	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú						
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN					
453	Nguyễn Thị Lê	Quyên	Nữ	12/5/1985	Bắc Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Công đoàn	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Nhân lực	ĐH	B														Miễn thi ngoại ngữ		
454	Hoàng Thị	Quyên	Nữ	01/6/1992	Đức Ninh, Đồng Hới	8.2	Đại học FPT	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh Ielts 5.5	B																
455	Võ Mạnh	Quyên	Nam	03/02/1992	Nông trường Lê Ninh, Lê Thủy	4.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai	Quản lý thị trường bất động sản	Anh B	B																
456	Hồ Chí	Quyết	Nam	22/4/1987	Sơn Hóa, Tuyên Hóa	4.5	Đại học Bách Khoa - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường		Anh C	B						X										
457	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	28/01/1994	Hồng Thủy, Lê Thủy	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hình sự	Anh B	B																
458	Phan Thị Thảo	Quỳnh	Nữ	26/02/1994	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	3.5	Học viện Tài chính	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh Toeic	B																
459	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	10/10/1991	Đồng Phú, Đồng Hới	3.4	Đại học Đà Lạt	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B																
460	Phùng Thị	Quỳnh	Nữ	15/12/1990	Quảng Thanh, Quảng Trạch	19.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh Khách sạn, nhà hàng	Anh C	B																
461	Trương Xuân	Sáng	Nam	09/5/1992	An Ninh, Quảng Ninh	15.2	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc	Kiến trúc	Anh B	B					x											
462	Đàm Hải	Sơn	Nam	29/01/1989	Quảng Châu, Quảng Trạch	18.1	Đại học Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Hành chính- Nhà nước	Anh B	B					x											
463	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	02/7/1990	Liên Trạch, Bố Trạch	1.3	Đại học Nông lâm- Đại học Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Anh B	B																
464	Phạm Ngọc	Sơn	Nam	09/6/1992	Sơn Thủy, Lê Thủy	8.1	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh		Anh B	B																
465	Phạm Trung	Sơn	Nam	21/12/1989	Quy Đạt, Minh Hóa	15.5	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc công trình		Anh B	B																

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
466	Trương Văn	Son	Nam	24/02/1993	Kiến Giang, Lệ Thủy	15.5	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc		Anh B	B											
467	Thái Văn	Sự	Nam	13/12/1993	Thượng Hóa, Minh Hóa	8.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh		Anh B	B				x							
468	Phạm Thị Mai	Sương	Nữ	25/8/1990	Lộc Thủy, Lệ Thủy	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
469	Nguyễn Duy	Tâm	Nam	30/11/1991	Nam Trạch, Bố Trạch	4.4	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng cầu đường	Anh B	B											
470	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	16/12/1993	Đức Ninh, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật hợp đồng	Anh B	B											
471	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	08/02/1990	Liên Thủy, Lệ Thủy	8.1	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh thương mại	Anh B	B											
472	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	10/9/1989	Quảng Thuận, Ba Đồn	16.1	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng công trình thủy	Xây dựng công trình thủy	Anh C	B											
473	Phạm Thị Thanh	Tâm	Nữ	09/7/1992	Phong Thủy, Lệ Thủy	8.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh C	KTV				x							
474	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	02/01/1986	Cam Thủy, Lệ Thủy	8.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	KTV											
475	Cao Xuân	Tân	Nam	01/9/1986	Thượng Hóa, Minh Hóa	1.3	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B				x	x						
476	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	25/01/1988	Đồng Mỹ, Đồng Hới	15.5	Đại học Khoa học-Huế	ĐH	CQ	Kiến trúc sư	Kiến trúc công trình		Anh C	B											
477	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	12/6/1994	Cam Lộ, Quảng Trị	1.8	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Anh B	B											
478	Phạm Phương Hoàng	Thái	Nữ	25/5/1990	Hải Thành, Đồng Hới	17.2	Đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản lý đất đai		Anh B	B											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú			
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN				
479	Tương Thị	Thắm	Nữ	10/02/1994	Quảng Tùng, Quảng Trạch	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B														
480	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	06/2/1991	Quảng Lưu, Quảng Trạch	3.5	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán kiểm toán	Anh C	B														
481	Ngô Thị	Thắm	Nữ	07/9/1988	Phong Thủy, Lệ Thủy	8.2	Học viện Hành chính Quốc gia	ThS		ThS		Tài chính - Ngân hàng	Anh C	KTV				x										
482	Hoàng Trọng	Thắng	Nam	14/8/1977	Hải Đình, Đồng Hới	8.1	Đại học Đà Nẵng	ThS		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		ĐH	B													Miễn thi ngoại ngữ	
483	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	14/9/1993	Thị trấn Hoàn Lão, Bố Trạch	12.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh B	B														
484	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	15/11/1989	Kim Hóa, Tuyên Hóa	3.1	Đại học Điện lực	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B				X										
485	Lê Thị	Thanh	Nữ	03/9/1992	Sen Thủy, Lệ Thủy	17.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B														
486	Lê Văn	Thanh	Nam	01/01/1992	Lý Trạch, Bố Trạch	8.1	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		Anh B	B														
487	Nguyễn Nam	Thanh	Nam	25/9/1993	Lý Trạch, Bố Trạch	18.1	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật TC Kinh doanh	Anh B	B														
488	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	02/9/1993	Lý Trạch, Bố Trạch	3.6	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B														
489	Trương Thị Hoài	Thanh	Nữ	14/7/1990	Hiển Ninh, Quảng Ninh	3.4	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế Toán		Anh C	B				X										
490	Đặng Tất	Thành	Nam	10/11/1993	Quảng Tân, Ba Đồn	8.1	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh B	B														
491	Hoàng Bình	Thành	Nam	29/04/1993	Nam Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh C	KTV														

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú					
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiên khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN				
492	Hoàng Tất	Thành	Nam	25/02/1993	Hải Trạch, Bố Trạch	1.6	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng		Anh B	B															
493	Lê Minh	Thành	Nam	14/01/1983	Lý Trạch, Bố Trạch	1.8	Đại học Nông lâm-Huế	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên rừng - Môi trường		Anh B	B															
494	Lê Thuận	Thành	Nam	14/9/1992	Nam Lý, Đồng Hới	1.2	Đại học Lâm nghiệp	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng		Anh B	B															
495	Nguyễn Đăng	Thành	Nam	28/5/1991	Thị trấn Kiến Giang, Lệ Thủy	3.4	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán ngân hàng	Anh A2	B															
496	Nguyễn Tất	Thành	Nam	30/6/1989	Quảng Phong, Ba Đồn	17.1	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Anh B	B															
497	Nguyễn Trung	Thành	Nam	26/9/1993	Quán Hâu, Quảng Ninh	10.1	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	TOEIC 735	B															
498	Nguyễn Trung	Thành	Nam	07/02/1984	Quận 1, TP HCM	3.5	Đại học Kinh tế TP HCM	ĐH	CQ	Cử nhân	Kinh tế	Kế toán	Anh B	B															
499	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	10/10/1983	Nam Lý, Đồng Hới	1.3	Đại học Nông lâm Thái Nguyên	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B														Viên chức	
500	Phạm Nhật	Thành	Nam	29/01/1991	Đồng Mỹ, Đồng Hới	10.1	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng		Anh B	B															
501	Bùi Thị Hiếu	Thảo	Nữ	20/01/1988	Nghĩa Ninh, Đồng Hới	8.1	Đại học Tài chính - Marketing	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị Khách sạn - Nhà hàng	Anh B	B															
502	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	30/01/1993	Phù Hải, Đồng Hới	3.4	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B															
503	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	16/6/1993	Bác Lý, Đồng Hới	3.3	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B1	KTV															
504	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	04/4/1993	Lộc Thủy, Lệ Thủy	3.6	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	KTV															

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Số quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN			
505	Võ Thị Hương	Thảo	Nữ	02/12/1994	Quảng Phú, Quảng Trạch	3.5	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Anh C	B													
506	Nguyễn Thị Thanh	Thiết	Nữ	10/6/1993	Trường Xuân, Quảng Ninh	4.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B													
507	Cao Chí	Thìn	Nam	03/9/1988	Thượng Hóa, Minh Hóa	17.3	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Quản lý đất đai		Anh B	B													
508	Dương Thị	Thịnh	Nữ	07/02/1992	Lệ Ninh, Lệ Thủy	4.4	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế		Anh B	B													
509	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	04/8/1994	Quảng Thuận, Ba Đồn	17.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B													
510	Nguyễn Ngọc	Thơ	Nam	28/6/1989	Xuân Ninh, Quảng Ninh	11.1	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Điện tử Viễn thông		Anh B	KTV													
511	Cao Văn	Thọ	Nam	04/4/1988	Hóa Sơn, Minh Hóa	12.2	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học đất		Anh B	B	x												
512	Đặng Thị	Thơm	Nữ	11/7/1989	Hạ Trạch, Bố Trạch	3.3	Đại học Sài Gòn	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B			X										
513	Lê Thị Hoài	Thu	Nữ	28/9/1991	Phong Thủy, Lệ Thủy	3.1	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	KTV													
514	Nguyễn Thị Diệu	Thu	Nữ	22/01/1993	Cự Năm, Bố Trạch	8.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh C	KTV													
515	Trần Thị Hà	Thu	Nữ	17/9/1992	Vạn Ninh, Quảng Ninh	8.1	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh thương mại	Anh C	B													
516	Dương Thị	Thư	Nữ	02/02/1992	Tân Thủy, Lệ Thủy	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B			x										
517	Đặng Quang	Thuận	Nam	20/8/1993	Đồng Phú, Đồng Hới	8.1	Đại học Sunderland	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh C	C												Thiếu Bằng Miễn thi ngoại ngữ	

Khu

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Sy quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiêm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN	
518	Lê Đức	Thuận	Nam	10/9/1991	Xuân Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Anh B	B					x							
519	Lê Thị	Thuận	Nữ	30/4/1991	Phú Thủy, Lệ Thủy	3.4	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												
520	Ngô Thị	Thuận	Nữ	27/6/1992	Cam Thủy, Lệ Thủy	4.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Môi trường và nguồn lợi thủy sản		Anh B	B												
521	Mai Thị Hoài	Thương	Nữ	27/2/1991	Hải Thành, Đồng Hới	3.3	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ThS				Kế toán	Anh C	B												
522	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	07/9/1994	Lộc Thủy, Lệ Thủy	12.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh C	B												
523	Phan Thị Lệ	Thương	Nữ	30/10/1993	Nam Lý, Đồng Hới	3.5	Đại học Đông Á	ĐH	CQ-HLT		Kế toán		Anh B	B												
524	Nguyễn Phúc	Thường	Nam	07/8/1987	Phú Thủy, Lệ Thủy	15.1	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng Cầu Đường	Xây dựng Cầu Đường	Anh B	KTV				X								
525	Bùi Thị	Thúy	Nữ	20/5/1986	Thị trấn Quán Hâu, Quảng Ninh	3.4	Đại học Nha Trang	ĐH	VLVH	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												
526	Hoàng Thị Thanh	Thúy	Nữ	09/8/1990	Nam Trạch, Bồ Trạch	8.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	B												
527	Lê Thị	Thúy	Nữ	19/5/1993	Liên Thủy, Lệ Thủy	3.3	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B												
528	Phạm Thị Diệu	Thúy	Nữ	20/4/1992	Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	20.1	Đại học Nha Trang	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm		Anh B	B												
529	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	19/8/1994	Quảng Liên, Quảng Trạch	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật TC Kinh doanh													Thiếu tờ khai	
530	Trần Thị Văn Anh	Thúy	Nữ	31/7/1992	Bác Lý, Đồng Hới	3.1	Viện Đại học Mở Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN			
531	Phạm Thị	Thùy	Nữ	08/3/1994	Trường Sơn, Quảng Ninh	4.4	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế		Anh B	B													
532	Từ Thị Lam	Thùy	Nữ	22/9/1991	Tân Ninh, Quảng Ninh	4.4	Đại học Đà Lạt	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật học	Anh B	B													
533	Lê Thu	Thùy	Nữ	19/5/1994	Hoàn Lão, Bồ Trạch	3.5	Học viện Tài chính	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kiểm toán	Anh C	B													
534	Đặng Thị	Thùy	Nữ	06/10/1994	Lương Ninh, Quảng Ninh	8.2	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Pháp A2	B													
535	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	24/4/1993	Hưng Trạch, Bồ Trạch	8.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng		Anh B1	KTV													
536	Lê Thị	Thùy	Nữ	21/6/1988	Quán Hâu, Quảng Ninh	3.3	Đại học Vinh	ĐH	VLVH	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B													
537	Lê Thị Lê	Thùy	Nữ	19/01/1993	Lý Trạch, Bồ Trạch	3.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	KTV													
538	Lê Thị Thanh	Thùy	Nữ	25/11/1993	Nông trường Việt Trung, Bồ Trạch	18.1	Đại học Luật - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B													
539	Nguyễn Bích	Thùy	Nữ	08/3/1993	Nam Lý, Đồng Hới	7.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		ĐH	B													Miễn thi ngoại ngữ
540	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	18/11/1994	Lê Hóa, Tuyên Hóa	3.6	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B													
541	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	14/7/1991	Vĩnh Ninh, Quảng Ninh	3.4	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B													
542	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	09/10/1988	Đức Ninh, Đồng Hới	3.3	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh B	VP					X								
543	Trần Thị Thu	Thùy	Nữ	10/4/1994	Đức Ninh, Đồng Hới	9.1	Đại học Nội vụ Hà Nội	ĐH	CQ		Quản trị nhân lực		Anh B	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú											
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiên khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN										
544	Đoàn Thị Kiều	Tiên	Nữ	03/7/1993	NT Việt Trung, Bồ Trạch	8.2	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	B																					
545	Lê Thị Thủy	Tiên	Nữ	11/5/1993	Quận Đống Đa, Hà Nội	8.2	Đại học Công đoàn	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	B																					
546	Trần Minh	Tiến	Nam	09/5/1992	Đông Trạch, Bồ Trạch	8.1	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Anh B	B																					
547	Lê Thị	Tinh	Nữ	13/5/1990	Bắc Lý, Đồng Hới	7.1	Học viện Tài chính	ĐH	CQ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Tiếng anh Tài chính- Kế toán	ĐH	B					X													Miễn thi ngoại ngữ			
548	Nguyễn Thanh	Tinh	Nam	04/8/1988	Hàm Ninh, Quảng Ninh	1.3	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh C	KTV																					
549	Đặng Châu	Toàn	Nam	2/10/1981	Đại Trạch, Bồ Trạch	1.2	Đại học Nông lâm Huế	ThS		Kỹ sư	Lâm học	Lâm học	Anh B1	B																					
550	Trà Minh	Toàn	Nam	30/6/1991	Đồng Mỹ, Đồng Hới	8.1	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		Anh B	B																					
551	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	04/11/1994	Quảng Long, Ba Đồn	18.1	Đại học Luật -Huế	ĐH	CQ		Luật		Anh B	B																					
552	Cao Minh	Trang	Nữ	14/12/1992	Lộc Ninh, Đồng Hới	3.3	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán- Kiểm toán	Anh C	B																					
553	Cao Thị Huyền	Trang	Nữ	27/12/1993	Bắc Lý, Đồng Hới	2.2	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Thủ Y		Anh B	B																					
554	Đặng Lê Thủy	Trang	Nữ	11/9/1994	Bắc Lý, Đồng Hới	4.4	Đại học Vinh	ĐH	CQ		Luật		Anh A2	B																					
555	Đỗ Đức	Trang	Nam	18/11/1985	Liên Thủy, Lệ Thủy	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường		Anh B	B																					
556	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	23/8/1993	Thanh Thủy, Lệ Thủy	8.2	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng	Ngân hàng	Anh B	KTV																					

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú		
															Ng dân tộc	Số quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN	
557	Mai Thị Quỳnh	Trang	Nữ	12/7/1994	Quy Đạt, Minh Hóa	3.6	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	KTV												
558	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	08/6/1992	Hưng Trạch, Bố Trạch	3.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ-LT	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												
559	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	08/3/1990	Cự Năm, Bố Trạch	11.1	Đại học Khoa học Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Điện tử viễn thông	Thông tin quang	Anh B	B												
560	Nguyễn Mai	Trang	Nữ	20/5/1992	Hoàn Lão, Bố Trạch	8.1	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		Anh B	B												
561	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	03/02/1991	Hoàn Lão, Bố Trạch	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B												
562	Nguyễn Phương	Trang	Nữ	20/9/1992	Lộc Ninh, Đồng Hới	18.1	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật học	Luật Hành chính	Anh B	B												
563	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	24/12/1993	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	15.3	Học viện Kỹ thuật Quân sự	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng	Xây dựng	Anh B1	B												
564	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	29/6/1991	Quảng Thuận, Ba Đồn	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												
565	Phạm Nữ Như	Trang	Nữ	01/4/1994	Hiển Ninh, Quảng Ninh	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B												
566	Phạm Nữ Quỳnh	Trang	Nữ	09/5/1993	Đồng Hóa, Tuyên Hóa	4.4	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật Kinh doanh	Anh C	B												
567	Phạm Thị Hiền	Trang	Nữ	27/5/1994	Hồng Thủy, Lệ Thủy	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Hình sự	Anh B	B												
568	Phan Thị	Trang	Nữ	10/12/1991	Hải Thành, Đồng Hới	4.4	Đại học Sài Gòn thành phố Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Kinh doanh	Anh B	B												
569	Phan Thị Ngọc	Trang	Nữ	20/7/1993	Hoàn Lão, Bố Trạch	3.5	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán (bảng điểm KT-KT)	Kế toán - Kiểm toán	TOEIC 580	B												

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú				
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN			
570	Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	03/3/1990	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	8.1	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Anh B	B														
571	Trương Thị Kiều	Trang	Nữ	15/02/1992	Kiến Giang, Lệ Thủy	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	B														
572	Võ Thị Minh	Trang	Nữ	19/01/1992	Nông trường Việt Trung, Bồ Trạch	4.4	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật học	Luật Thương mại	Anh C	B														
573	Lê Minh	Trí	Nam	26/3/1993	Võ Ninh, Quảng Ninh	15.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng cầu đường	Anh B	B														
574	Hoàng Việt	Triều	Nam	27/7/1988	Ba Đồn, Ba Đồn	11.3	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH				x										Miễn thi tin học
575	Bùi Thị Việt	Trình	Nữ	04/4/1992	Quảng Tùng, Quảng Trạch	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	C														
576	Đặng Thị Lan	Trình	Nữ	16/12/1992	Quảng Châu, Quảng Trạch	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Hành chính Nhà nước	Anh B	B														
577	Hoàng Thị Mộng	Trình	Nữ	02/7/1992	Bào Ninh, Đồng Hới	18.1	Trường Đại học Luật - Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh C	B														
578	Ngô Thục	Trình	Nữ	20/10/1993	Quảng Thọ, Ba Đồn	18.1	Viện Đại học Mở - Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật kinh tế		Anh B	B														
579	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	Nữ	16/9/1993	Sơn Thủy, Lệ Thủy	3.4	Đại học Đông Á	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh C	B														
580	Phạm Như	Trình	Nam	09/3/1990	Bắc Lý, Đồng Hới	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B														
581	Lê Đức	Trọng	Nam	6/7/1990	Hải Đình, Đồng Hới	3.2	Đại học James Cook	ThS			Quản trị Kinh doanh		Anh B	B														Miễn thi ngoại ngữ
582	Dương Thanh	Trung	Nam	20/01/1992	Quảng Xuân, Quảng Trạch	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	KTV														

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú			
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thung binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN		
583	Lê Bảo	Trung	Nam	12/6/1992	TP Vinh, Nghệ An	4.3	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý Đất đai		Anh B	B													
584	Phạm Hiếu	Trung	Nam	18/10/1993	Bắc Lý, Đồng Hới	4.4	Viện Đại học Mở Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Quốc tế	TOEIC 450	B				X									
585	Trần Ngọc	Trung	Nam	01/11/1993	Sơn Thủy, Lệ Thủy	3.2	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị Kinh doanh		Anh B	B													
586	Phạm Xuân	Trưởng	Nam	12/4/1982	Hồng Thủy, Lệ Thủy	13.1	Đại học Giao thông vận tải TP HCM	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Anh B	B				X									
587	Cao Ngọc	Tú	Nam	25/5/1985	Trung Hóa, Minh Hóa	1.3	Đại học Nông lâm - Thái Nguyên	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B													
588	Đình Thanh	Tú	Nam	2/10/1985	Thị trấn Quy Đạt, Minh Hóa	17.3	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý đất	Anh B	B													
589	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	20/12/1990	Đồng Phú, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế thành phố HCM	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	B													
590	Nguyễn Trần Cẩm	Tú	Nữ	01/7/1991	Quảng Thọ, Ba Đồn	3.5	Đại học Bình Dương	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng		Anh B	B													
591	Trương Hoàng	Tú	Nam	09/3/1978	Đồng Phú, Đồng Hới	3.5	Học viện Hành chính quốc gia	ThS	CQ	ThS	Tài chính ngân hàng		Anh B	B													
592	Đoàn Văn	Tư	Nam	28/4/1983	Quảng Hòa, Ba Đồn	15.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng Cầu Đường	Anh A2	KTV													
593	Nguyễn Đức	Tứ	Nam	05/12/1990	Gia Ninh, Quảng Ninh	3.5	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng	Anh B1	B													
594	Cao Anh	Tuấn	Nam	13/10/1994	Xuân Hóa, Minh Hóa	18.1	Đại học Vinh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật		Anh B	B													
595	Đặng Đình	Tuấn	Nam	10/7/1994	Đức Ninh, Đồng Hới	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hình sự	Anh B	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú										
															Ng dân tộc	Số quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB gần khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN									
596	Đặng Minh	Tuấn	Nam	27/6/1993	Hướng Hóa, Quảng Trị	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	KTV																				
597	Hà Anh	Tuấn	Nam	02/3/1992	Đồng Mỹ, Đồng Hới	15.3	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng		Anh B	B																				
598	Hà Mạnh	Tuấn	Nam	04/3/1986	Mai Hóa, Tuyên Hóa	8.1	Đại học Kinh tế - Huế	ĐH	CQ - LT	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	B																				
599	Hoàng Đình	Tuấn	Nam	18/9/1992	Đồng Mỹ, Đồng Hới	3.6	Đại học Quy Nhơn	Đh	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B1	B																				
600	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	14/6/1992	Lộc Ninh, Đồng Hới	1.8	Đại học Nông Lâm Huế	ThS		Thạc sĩ	Lâm học	Lâm học	Anh B1	B																				
601	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	16/6/1991	Quảng Tiên, Ba Đồn	3.1	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B																				
602	Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	26/10/1994	Đồng Lê, Tuyên Hóa	4.3	Đại học Nông Lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Anh B	B																				
603	Phạm Anh	Tuấn	Nam	18/10/1989	Quảng Thuận, Ba Đồn	3.5	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng		Anh B	B																				
604	Trần Ngọc	Tuấn	Nam	22/9/1985	Phường Ba Đồn, Ba Đồn	4.5	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng cầu đường	Anh C	B																				
605	Hồ Đăng	Tuế	Nam	20/6/1991	Đức Trạch, Bố Trạch	11.1	Đại học Phan Châu Trinh	ĐH	CQ	Cử nhân	Công nghệ thông tin	Công nghệ mạng	Anh C	ĐH						x											Miễn thi tin học			
606	Nguyễn Việt	Tùng	Nam	10/11/1993	Quảng Thuận, Ba Đồn	3.1	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	KTV																				
607	Nguyễn Đức	Tùng	Nam	19/5/1984	Bắc Nghĩa, Đồng Hới	1.6	Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Kỹ sư	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Anh B	B						X														
608	Phan Xuân	Túy	Nam	01/11/1987	Hoàn Lão, Bố Trạch	3.1	Đại học Quy Nhơn	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh B	B																				

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
609	Trần Thị Hà	Tuyên	Nữ	10/9/1991	Đồng Lê, Tuyên Hóa	3.3	Đại học Quảng Bình	ĐH	LT-VLVH	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
610	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	Nữ	11/01/1984	Hóa Tiến, Minh Hóa	17.3	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Kỹ sư	Quản lý Đất đai	Quản lý Đất đai	Anh C	B											
611	Hà Thị	Tuyết	Nữ	15/8/1988	Đồng Mỹ, Đồng Hới	3.4	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	Anh C	KTV											
612	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	06/9/1994	An Ninh, Quảng Ninh	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật TC kinh doanh	Anh C	B											
613	Phạm Thị	Tuyết	Nữ	20/10/1990	Đức Hóa, Tuyên Hóa	3.6	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	KTV											
614	Trần Thị	Tuyết	Nữ	23/8/1993	Quảng Tiến, Quảng Trạch	18.1	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật hành chính - Nhà nước	Anh B	B											
615	Nguyễn Thủy Vân	Uyên	Nữ	30/5/1993	Quảng Phong, Ba Đồn	3.5	Đại học Kinh tế - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng	Ngân hàng	Toeic 620	B											
616	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	10/8/1993	Liên Thủy, Lệ Thủy	3.3	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	Anh C	B											
617	Nguyễn Thị Anh	Vân	Nữ	06/5/1993	Ba Đồn, Ba Đồn	3.5	Đại học Dân lập Phú Xuân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
618	Phan Thị Cẩm	Vân	Nữ	05/5/1988	Đồng Phú, Đồng Hới	5.1	Đại học Dược Hà Nội	ThS		ThS	Dược học	Tổ chức quản lý Dược	Anh B	B											
619	Trần Thị	Vân	Nữ	10/10/1994	Đồng Hóa, Tuyên Hóa	3.5	Đại học Quảng Bình	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B											
620	Võ Thị Thủy	Vân	Nữ	19/6/1993	Phong Thủy, Lệ Thủy	5.2	Đại học Y dược - Huế	ĐH	CQ		Dược học		Anh C	B											
621	Lê Thị	Vang	Nữ	19/5/1994	Đại Trạch, Bố Trạch	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật Hợp đồng	Anh B	B											

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
															Ng dân tộc	Sỹ quan QB, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, tri thức trẻ TN	
622	Nguyễn Thị	Viễn	Nữ	14/10/1983	Đức Ninh, Đồng Hới	3.3	Đại học Kinh tế thành phố HCM	ĐH	VLVH	Cử nhân	Kế toán		Anh B	B					X						
623	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	25/11/1992	Tây Trạch, Bố Trạch	11.1	Đại học Lạc Hồng	ĐH	CQ	Cử nhân	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH										Miễn thi tin học	
624	Đỗ Thanh	Việt	Nam	11/6/1988	Bắc Lý, Đồng Hới	15.1	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ĐH	CQ	Kỹ sư	Xây dựng Cầu đường		Anh B	B				X							
625	Nguyễn Văn	Việt	Nam	9/2/1990	Trung Trạch, Bố Trạch	1.6	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Anh B	B				X							
626	Mai Thị Thành	Vinh	Nữ	04/4/1993	Đồng Phú, Đồng Hới	8.2	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ		Tài chính ngân hàng		Anh C	B											
627	Nguyễn Thị Phú	Vinh	Nữ	14/4/1993	Hoa Thủy, Lệ Thủy	8.2	Đại học Kinh tế Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính		Anh C	B				X							
628	Nguyễn Xuân	Vinh	Nam	06/5/1989	Quảng Lưu, Quảng Trạch	17.2	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Anh B	B									x		
629	Trần Nam	Vinh	Nam	07/7/1987	Đức Ninh Đông, Đồng Hới	4.2	Đại học Giao thông vận tải	ĐH	CQ	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	Anh C	ĐH										Miễn thi tin học	
630	Hoàng Đức	Vũ	Nam	05/4/1986	Hồng Hóa, Minh Hóa	17.3	Đại học Nông lâm Huế	ThS		ThS	Quản lý Đất đai		Anh B1	B										x	
631	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	16/3/1992	Đông Hà, Quảng Trị	8.2	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	ĐH	CQ	Cử nhân	Tài chính ngân hàng		Anh B2	B											
632	Võ Ngọc	Vũ	Nam	22/02/1984	Bắc Lý, Đồng Hới	8.1	Đại học Kinh tế - Đại học QG Hà Nội	Ths			Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B											
633	Trần Phi	Vũ	Nam	15/12/1993	Cam Lộ, Quảng Trị	1.8	Đại học Nông lâm Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Lâm nghiệp		Anh B	B											
634	Nguyễn Thế	Vượt	Nam	06/8/1990	Thanh Hóa, Tuyên Hóa	11.2	Đại học Sư phạm - Đà Nẵng	ĐH	CQ	Cử nhân	Công nghệ thông tin		Anh B	ĐH										Miễn thi tin học	

XMK

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Mã số đăng ký dự tuyển	Học tại trường (học viện)	Trình độ	Hệ đào tạo	Công nhận danh hiệu	Ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú			
															Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương g binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người nhiễm chất độc HH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN		
635	Trần	Vy	Nam	11/4/1993	Đồng Trạch, Bố Trạch	4.4	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật	Luật Hành chính	Anh B	B													
636	Phạm Thị Bình	Yến	Nữ	20/8/1992	Bắc Lý, Đồng Hới	3.3	Đại học Duy Tân	ĐH	CQ	Cử nhân	Kế toán	Kế toán- doanh nghiệp	Anh C	KTV													
637	Lưu Thị Hải	Yến	Nữ	10/12/1994	Phú Trạch, Bố Trạch	18.1	Đại học Luật Huế	ĐH	CQ	Cử nhân	Luật Kinh tế	Luật Tổ chức Kinh doanh	Anh B	B													
638	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	05/3/1994	Hoàn Lão, Bố Trạch	12.1	Đại học Nông lâm - Huế	ĐH	CQ	Kỹ sư	Khoa học cây trồng		Anh B	B													
639	Võ Thị Hải	Yến	Nữ	19/6/1994	Đắc Nông - Quảng Trị	9.1	Đại học Nội vụ Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân	Quản trị nhân lực		Anh B	B													

Danh sách này gồm có: 639 người


  
**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Đình**